TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày: 27/7/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Nguyên.

2. Bà Trần Thị Kia.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02/01/2020 "Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ S, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1976; địa chỉ: x11 QT, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Huỳnh Văn K trình bày: Do mối quan hệ làm ăn với nhau nên chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị Bích H, cụ thể: Ngày 28/4/2019, chị L vay số tiền 270.000.000 đồng; ngày 09/5/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 14/5/2019, vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 16/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 18/5/2019,

vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 20/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 22/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 25/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 27/5/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 29/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 04/6/2019, vay số tiền 60.000.000 đồng; ngày 09/6/2019, vay số tiền 145.000.000 đồng và ngày 24/6/2019, vay số tiền 16.000.000 đồng. Trong các lần vay tiền, chị L đều viết Giấy mượn tiền, ký xác nhận đầy đủ và giao cho chị H giữ bản gốc. Tổng số tiền chị L đã vay trong 16 Giấy mượn tiền là 961.000.000 đồng, quá thời hạn trả nợ nhưng chị L cố tình né tránh không chịu trả nợ. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải trả tổng số tiền gốc đã vay là 961.000.000 đồng, đã trả được số tiền 80.000.000 đồng, số tiền gốc còn phải trả là 881.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 23/12/2019 đến ngày xét xử là 07 tháng với lãi suất 0,75%/tháng là 46.000.000 đồng. Ngoài ra, chị H không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Chị L thừa nhận có vay của chị H tổng số tiền là 961.000.000 đồng theo như 16 Giấy mượn tiền mà chị H đã cung cấp cho Tòa án, 16 Giấy mượn tiền này do chính chị L viết và ký xác nhận nợ. Chị L cho rằng đứng ra vay giúp cho người khác và đã nhiều lần trả nợ cho chị H với tổng số tiền là 340.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền là 621.000.000 đồng. Chị L chỉ đồng ý trả số tiền 621.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi mà chị H yêu cầu.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Có đủ cơ sở để kết luận chị L vay của chị H tổng số tiền 961.000.000 đồng, đã trả được 80.000.000 đồng. Chị H yêu cầu chị L trả số tiền còn nợ là 881.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 46.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 39.810.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H khởi kiện đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1976; địa chỉ: x11 QT, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu chị L phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H, cùng với việc cung cấp chứng cứ là 16 Giấy mượn tiền bản gốc và được chị L thừa nhận theo 16 Giấy mượn tiền này, với tổng số tiền đã vay là 961.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 28/4/2019, chị L vay số tiền 270.000.000 đồng; ngày 09/5/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 14/5/2019, vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 16/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 18/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 20/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 22/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 25/5/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 27/5/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 29/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 04/6/2019, vay số tiền 60.000.000 đồng; ngày 09/6/2019, vay số tiền 145.000.000 đồng và ngày 24/6/2019, vay số tiền 16.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị L đã vay của chị H trong 16 Giấy mượn tiền là 961.000.000 đồng, chị L cũng thừa nhận số tiền và chữ ký trong 16 Giấy mượn tiền là đúng của chị. Do đó, có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Mỹ L có vay và nợ chị Nguyễn Thị Bích H tổng số tiền 961.000.000 đồng trong 16 Giấy mượn tiền là có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L cho rằng đã trả nợ cho chị H được tổng số tiền 340.000.000 đồng, nhưng chị H chỉ chấp nhận chị L mới trả được số tiền 80.000.000 đồng, theo 07 chứng từ chuyển tiền qua Ngân hàng mà chị L cung cấp. Ngoài ra, không có chứng cứ nào chứng minh chị L đã trả cho chị H số tiền còn lại 260.000.000 đồng nên lời khai của chị L không có cơ sở chấp nhận. Chị H vẫn còn giữ 16 Giấy mượn tiền gốc với tổng số tiền 961.000.000 đồng để kiện đòi và chị L thừa nhận chữ viết, chữ ký là của chị. Chị H thừa nhận chị L đã trả được số tiền 80.000.000 đồng, còn lại số tiền 881.000.000 đồng chị H yêu cầu chị L phải trả là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi chậm trả, xét thấy các khoản vay đã quá hạn nhưng chị L không trả nợ nên chị H yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 23/12/2019 đến ngày xét xử là 07 tháng với số tiền 46.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Từ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích H số tiền gốc còn nợ 881.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả 46.000.000 đồng, tổng cộng là 927.000.000 đồng là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu toàn bộ án phí dân

sự sơ thẩm đối với số tiền 927.000.000 đồng như sau: [36.000.000 đồng + (3% x 127.000.000 đồng)] = 39.810.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H.

- Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích H số tiền gốc còn nợ 881.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả 46.000.000 đồng, tổng cộng là 927.000.000 đồng *(Chín trăm hai mươi bảy triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 39.810.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.165.000 đồng theo biên lai số 0004228 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/7/2020, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông